

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST

Ngày 28/01/2026

Về việc ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Thanh Hải

2. Bà H'Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quốc Chương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L (*Vắng mặt*), sinh năm 1982

Địa chỉ: bon R, xã Q, tỉnh L.

- Bị đơn: Anh Mông Văn N (*Vắng mặt*), sinh năm 1982

Địa chỉ: bon R, xã Q, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị Hoàng Thị L (nguyên đơn) trình bày: Chị Hoàng Thị L và anh Mông Văn N kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 30/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh C cũ, nay là xã P, tỉnh C. Hôn nhân của chị L và anh N là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Trong thời gian chung sống, chị L và anh N có 02 con chung: Cháu Mông Văn H, sinh ngày 04/11/2002 và cháu Mông Văn Đ,

sinh ngày 02/4/2004. Hiện cả 02 cháu đã trưởng thành (trên 18 tuổi). Chị Hoàng Thị L và anh Mông Văn N không có tài sản chung gì cả, tài sản riêng không có gì; không vay mượn của ai cả, cũng không cho ai vay mượn. Thời gian đầu mới kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn; vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách khác nhau, hay cãi nhau, vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa, việc ai người đó làm. Vợ chồng anh N và chị L đã không chung sống cùng với nhau (ly thân) từ năm 2022 nên chị L muốn được ly hôn với anh N để ổn định cuộc sống. Chị Hoàng Thị L có quan điểm, nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L xin ly hôn với anh Mông Văn N.

Về nuôi con chung: Các con chung đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận, nhà xa đi lại khó khăn và sức khỏe yếu nên chị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đối với chị L.

- *Đối với anh Mông Văn N (bị đơn)*: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập, thông báo về phiên hòa giải đoàn tụ, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải đối với anh Mông Văn N, mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt nhưng anh Mông Văn N vẫn vắng mặt mà không có lý do trong tất cả các lần triệu tập, phiên họp và hòa giải, xét xử tại Tòa án. Do anh Mông Văn N vắng mặt nên không có lời khai cũng như không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Mông Văn N phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, bị đơn chấp hành không đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền theo quy định và đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (chị Hoàng Thị L) đối với bị đơn (anh Mông Văn N) về việc ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Mông Văn N (chấm dứt quan hệ vợ chồng).

Về nuôi con chung: Các con chung đã trưởng thành (trên 18 tuổi), không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hoàng Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Mông Văn N, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (anh Mông Văn N) có đăng ký thường trú tại bon R, xã Q, tỉnh L nên Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]1.3. Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với chị Hoàng Thị L (nguyên đơn) vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với anh Mông Văn N (bị đơn) đã được Tòa án thông báo việc xét xử vụ án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[4]2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Mông Văn N kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 30/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh C cũ, nay là xã P, tỉnh C; việc kết hôn và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Thời gian đầu mới kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn; vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách khác nhau, hay cãi nhau, không quan tâm đến nhau nữa, việc ai người đó làm; Vợ chồng chị L và anh N đã sống ly thân (không ở cùng nhà với nhau) từ năm 2022; Chị L cũng thừa nhận, chị không còn tình cảm với anh N, không muốn tiếp tục chung sống với anh N và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống; mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục; chị L và anh N không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân của chị L và anh N thật sự không đạt được mục đích; Qua xác minh tại địa phương thì được đại diện bon R, xã Q, tỉnh L xác nhận vợ chồng chị L và anh N có phát sinh mâu thuẫn, chính quyền bon đã tổ chức hòa giải nhưng không thành, vợ chồng chị L và anh N đã sống ly thân (không ở cùng nhà với nhau) từ lâu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị L và anh Mông Văn N.

[5]2.2 Về nuôi con chung: Chị L và anh N có 02 con chung là cháu Mông Văn H, sinh ngày 04/11/2002 và cháu Mông Văn Đ, sinh ngày 02/4/2004. Hiện

cả 02 cháu đã trưởng thành (trên 18 tuổi) và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] 2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay mượn của ai hay cho ai vay mượn tài sản gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[7] **3. Về án phí:** Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Hoàng Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005999 ngày 21/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng (Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Lâm Đồng).

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L đối với anh Mông Văn N về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Mông Văn N (chấm dứt quan hệ hôn nhân).

2. Về nuôi con chung: Các con chung đã trưởng thành (trên 18 tuổi), không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005999 ngày 21/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng (Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Lâm Đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 6-Lâm Đồng (02);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng THADS khu vực 6-Lâm Đồng;
- UBND xã P, tỉnh C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng